TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18 /7/ 2018
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đắc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Quân và Bà Vũ Thị Hằng

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân nhân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐST-DS, ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (Có mặt).

Trú tại: Thôn T, xã Tr, huyện Th, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Phạm Sỹ L, sinh năm 1991 (Có đơn xin vắng mặt).

ĐKHHTT: Thôn C, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Hiện trú tại: Hàn Quốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Sỹ L kết hôn với nhau vào tháng 11/2012, trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện G. Sau khi kết hôn chị về nhà Anh L làm dâu ngay và sống cùng bố mẹ Anh

L tại C, S, G, Bắc Ninh. Thời điểm kết hôn Anh L vẫn đang còn hợp đồng lao động tại Hàn Quốc nên vợ chồng chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn (khoảng 01 tháng) thì Anh L tiếp tục sang Hàn Quốc để lao động, thời gian này chị H đi làm tại huyện Th nên chỉ cuối tuần mới về nhà 01 đến 02 ngày. Khoảng thời gian đầu hai vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau, đến cuối năm 2016 thì Anh L không liên lạc gì với chị nữa, chị có chủ động liên lạc nhưng Anh L không nghe máy, không trả lời tin nhắn, trong thời gian này chị phát hiện Anh L có quan hệ với người phụ nữ khác cùng lao động bên Hàn Quốc và đã có con riêng. Cuối năm 2017, Anh L chủ động gửi đơn xin ly hôn về cho chị, nhưng do chị cảm thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chưa làm thủ tục ly hôn với Anh L. Đến nay do cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Sỹ L.

Về con chung: Không có, hiện tại chị H cũng không mang thai.

Tài sản chung, công nợ: Không có, không đề nghị giải quyết.

Tại nội dung bản tự khai và đơn đề nghị, bị đơn là anh Phạm Sỹ L trình bày: Anh L xác nhận về điều kiện kết hôn, quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và công nợ đúng như lời chị H trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo Anh L là do vợ chồng kết hôn hơn 03 năm mà không có con nên có nhiều bất mãn, cùng với việc anh Lao động tại Hàn Quốc không có thời gian quan tâm, chăm sóc tới chị H từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, Anh L đồng ý ly hôn với chị H. Con chung, tài sản chung, công nợ Anh L xác nhận là không có và không đề nghị giải quyết.

Hiện do anh đang sống và làm việc tại Hàn Quốc không có điều kiện về Việt Nam để tham gia tố tụng tại Tòa án. Anh L xin được vắng mặt tại tất cả các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; đề nghị không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Anh L có ý kiến ủy quyền cho ông Phạm Sỹ S và bà Đào Thị K (là bố mẹ đẻ của Anh L) nhận thay các văn bản tài liệu, quyết định của Tòa án giao cho anh.

Tại biên bản làm việc ngày 12/6/2018 ông S và bà K có ý kiến trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của Anh L, qua việc Anh L gọi điện thoại về nhà ông bà có biết giữa

hai vợ chồng Anh L có mâu thuẫn với nhau và đang được giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Đối với việc Anh L ủy quyền cho ông S, bà K nhận thay các văn bản tài liệu, quyết định của Tòa án Bắc Ninh gửi, ông bà đồng ý nhận ủy quyền của Anh L. Ông S, bà K cam kết nhận thay và sẽ gửi hoặc thông báo lại cho Anh L ngay khi nhận được.

Tại phiên tòa, chị H trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Sỹ L; con chung, tài sản chung, công nợ: Không có, không đề nghị giải quyết. Ngoài ra chị không đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu nào khác.

Bị đơn là Anh L vắng mặt do đó Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử trích đọc tóm tắt ý kiến của Anh L với nội dung: Anh L đồng ý ly hôn với chị H; con chung, tài sản chung, công nợ không có, không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án tới khi nghị án là đảm bảo đúng theo trình tự thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án, xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khi giải quyết vụ án cả chị H và Anh L đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, ngoài ra không có yêu cầu giải quyết gì khác. Xét thấy, đề nghị của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần được xem xét chấp nhận. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Tuyên xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Sỹ L, những vấn đề khác các đương sự không yêu cầu không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh L vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên anh đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có bản tự khai gửi Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc chị H xin ly hôn với anh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật

tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định giải quyết, xét xử vắng mặt Anh L theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Thứ nhất, về quan hệ hôn nhân : Chị H và Anh L có đủ điều kiện kết hôn, khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp cần được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn với nhau vào tháng 11/2012, chị H về nhà Anh L làm dâu ngay và sống cùng bố mẹ Anh L tại C, S, G, Bắc Ninh. Do thời điểm kết hôn Anh L vẫn đang còn hợp đồng lao động tại Hàn Quốc nên vợ chồng chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn (khoảng 01 tháng) thì Anh L tiếp tục sang Hàn Quốc để lao động. Khoảng thời gian đầu hai vợ chồng thường xuyên liên lạc với nhau bình thường nhưng đến cuối năm 2016 thì Anh L không liên lạc gì với chị H nữa, chị có chủ động liên lạc nhưng Anh L không nghe máy, không trả lời tin nhắn từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H là do Anh L đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Do đó cuối năm 2017 Anh L chủ động gửi đơn xin ly hôn về cho chị H, nhưng do chị cảm thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị H chưa làm thủ tục ly hôn với Anh L. Đến nay do cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Sỹ L. Anh L đồng ý ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục cuộc hôn nhân sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của các bên. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án cả chị H và Anh L đều có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng được ly hôn với nhau. Xét đề nghị của đương sự là hợp pháp, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, đủ điều kiện ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó việc chị H đề nghị xin được ly hôn với Anh L là hoàn toàn thỏa đáng cần được xem xét chấp nhận.

Thứ hai, về con chung, tài sản chung, công nợ: Không có yêu cầu, không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Chị H phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[1]. *Quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Sỹ L.

[2]. *Con chung*: Không có, không đặt ra giải quyết.

[3]. *Tài sản và công nợ chung*: Không đặt ra giải quyết.

[3]. *Án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004291 ngày 14/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đắc Dũng